

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) *Chọn đáp án đúng nhất.*

- Câu 1. Ngành công nghiệp nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp?
- A. Khai thác nhiên liệu. B. Vật liệu xây dựng.
C. Chế biến lương thực, thực phẩm. D. Cơ khí, điện tử.
- Câu 2. Nguồn lao động của nước ta dồi dào, giá rẻ là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp
- A. dệt may. B. điện lực. C. cơ khí, điện tử. D. khai thác nhiên liệu.
- Câu 3. Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất nước ta?
- A. Y-a-ly. B. Hoà Bình. C. Trị An. D. Sơn La.
- Câu 4. Hai trung tâm thương mại, dịch vụ lớn nhất nước ta là
- A. Hà Nội, Hải Phòng. B. Đà Nẵng, Nha Trang.
C. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. D. Thanh Hoá, Vinh.
- Câu 5. Trong cơ cấu ngành dịch vụ, các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao thuộc nhóm dịch vụ
- A. công cộng. B. tiêu dùng. C. sản xuất. D. cộng đồng.
- Câu 6. Hoạt động kinh tế đối ngoại quan trọng nhất của nước ta hiện nay là
- A. xuất khẩu lao động. B. thu hút đầu tư. C. du lịch quốc tế. D. ngoại thương.
- Câu 7. Sự phát triển của loại hình vận tải đường ống gắn liền với nhu cầu vận chuyển
- A. hàng tiêu dùng. B. dầu mỏ, khí đốt. C. nước. D. sản phẩm nông nghiệp.
- Câu 8. Các sân bay quốc tế lớn nhất nước ta hiện nay là
- A. Phú Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất. B. Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất.
C. Tân Sơn Nhất, Cam Ranh, Đà Nẵng. D. Hải Phòng, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất.
- Câu 9. Vật nuôi nào sau đây của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chiếm tỉ trọng lớn nhất nước ta?
- A. Bò. B. Trâu. C. Lợn. D. Gia cầm.
- Câu 10. Thế mạnh công nghiệp nổi bật của tiểu vùng Đông Bắc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. cơ khí. B. thủy điện.
C. khai thác khoáng sản. D. chế biến lương thực, thực phẩm.
- Câu 11. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. vịnh Hạ Long. B. hồ Ba Bể.
C. vịnh Lăng Cô. D. động Phong Nha- Kẻ Bàng.
- Câu 12. Từ tây sang đông các tỉnh đều có: núi, gò đồi, đồng bằng, biển là đặc điểm địa hình giống nhau của hai vùng:
- A. Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.
- Câu 13. Các dân tộc ít người cư trú nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. Chăm, Khơ-me. B. Cơ-tu, Giê-triêng.
C. Tày, Nùng, Thái, Mường. D. Ê-đê, Gia-rai, Ba-na, Cơ-ho.
- Câu 14. Các trung tâm kinh tế quan trọng của vùng Bắc Trung Bộ là
- A. Thanh Hoá, Vinh, Huế. B. Vinh, Đồng Hới, Đông Hà.
C. Thanh Hoá, Vinh, Hà Tĩnh. D. Huế, Vinh, Đồng Hới.
- Câu 15. Vùng gò đồi phía tây của Bắc Trung Bộ có điều kiện thuận lợi để
- A. nuôi trồng thủy sản. B. chăn nuôi lợn, gia cầm.
C. trồng cây lương thực. D. chăn nuôi trâu, bò đàn.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 16. (2,0 điểm) Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế- xã hội?

Câu 17. (3,0 điểm) Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ, GIAI ĐOẠN 1995-2017.

Năm	1995	2000	2005	2010	2017
Thủy sản (nghìn tấn)	339,4	462,9	623,9	748,1	1077,4

a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thủy sản của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, giai đoạn 1995-2017.

b. Nêu nhận xét về sản lượng thủy sản của vùng duyên hải Nam Trung Bộ trong giai đoạn trên.

BÀI LÀM

I. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án															

II. TỰ LUẬN:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1-NĂM HỌC 2023-2024 MÔN: ĐỊA LÍ- LỚP 9

I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Mỗi đáp án đúng đạt 0,33 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	C	A	D	C	A	D	B	B	B	C	A	D	C	A	D

II. TỰ LUẬN: (5 điểm)

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
16 (2.0 điểm)	* Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đồng bằng sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn cho sự phát triển kinh tế- xã hội là: - Thuận lợi: + Đất phù sa màu mỡ, thích hợp thâm canh lúa nước. + Điều kiện khí hậu, thủy văn thuận lợi cho việc thâm canh, tăng vụ trong SX nông nghiệp. + Thời tiết vụ đông phù hợp với một số cây ưa lạnh. + Một số khoáng sản có giá trị đáng kể: đá vôi, sét, cao lanh, than nâu, khí tự nhiên. + Vùng ven biển và biển thuận lợi cho nuôi trồng và đánh bắt thủy sản. + Tài nguyên du lịch: có các bãi tắm, vườn quốc gia, các hang động,... - Khó khăn: + Thường có thiên tai: bão, lũ lụt, thời tiết thất thường. + Ít tài nguyên khoáng sản.	2,0đ 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25 0.25
	a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng thủy sản của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, giai đoạn 1995-2017.	2.0đ

17 (3.0 điểm)	* Yêu cầu: - Đúng tỉ lệ về số liệu và khoảng cách năm. - Có tên biểu đồ. - Có kí hiệu và chú giải. - Tính thẩm mĩ. <i>(Nếu không đủ, đúng các yêu cầu trên thì trừ 0,25 điểm/ý)</i> b. Nhận xét: - Sản lượng thủy sản của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ tăng nhanh và tăng liên tục. - Từ năm 1995 đến năm 2017, sản lượng thủy sản của vùng tăng 738 nghìn tấn.	1.0đ 0,5 0,5
--	--	------------------------------------